

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3 - THANH HOÁ **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 29/7/2025

Về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Hùng và ông Lê Hữu Thủy

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” thụ lý số 74/2025/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXX- ST ngày 01 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐ – HNGĐ, ngày 17/7/2025, giữa các đương sự.

* *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm: 1989

* *Bị đơn:* Anh LêBAT T1, sinh năm 1987

Đều có nơi cư trú: Tổ dân phố B, xã T, tỉnh Thanh Hóa

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, quá trình Tòa án tiến hành giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh LêBAT T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/02/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa).

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T1 thường xuyên chửi, đánh đập chị T, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, hiện tại không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo.

Nay chị Lê Thị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tiếp tục đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh LêBAT T1

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu LêBAT Q, sinh ngày 28/12/2012 và cháu LêBAT K, sinh ngày 13/11/2017. Hiện tại hai cháu đi học khỏe mạnh, phát triển tốt.

Nay ly hôn do anh LêBAT T1 làm nghề lái xe đường dài thường xuyên vắng nhà nên nguyện vọng của chị T là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu LêBAT Q và LêBAT K.

Về phần cấp dưỡng đóng góp nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh LêBAT T1 phải cấp dưỡng, đóng góp nuôi con chung.

Hiện tại chị T đang làm việc tại Công ty TNHH D có trụ sở tại xã Đ, tỉnh Thanh Hóa. Mức thu nhập hàng tháng là: 7.000.000đ - 10.000.000đ, sau khi ly hôn, chị T sống cùng mẹ đẻ của chị tại Tổ dân phố F, xã T, tỉnh Thanh Hóa, mẹ của chị còn trẻ, minh mẫn, có sức khỏe nên có thể giúp đỡ chị chăm sóc 2 cháu những lúc chị bận công việc. Do đó chị xét thấy có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả 2 con chung.

- Về tài sản và công nợ: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn anh LêBAT T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T1 và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng. Quá trình chung sống hạnh phúc cũng không có mâu thuẫn gì. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau, nếu chị T vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu LêBAT Q, sinh ngày 28/12/2012 và cháu LêBAT K, sinh ngày 13/11/2017. Nay ly hôn anh T1 cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về phần cấp dưỡng đóng góp nuôi con chung: Anh T1 không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng, đóng góp nuôi con chung cùng anh.

Hiện tại anh T1 đang làm lái xe đường dài, vận tải quốc tế và chạy xe theo chuyến, đi hai đến ba ngày lại về nên anh cũng thường xuyên ở nhà, thu nhập bình quân mỗi tháng của anh 25.000.000đ, ngoài ra bố mẹ anh đang còn trẻ, khỏe, ông bà ở ngay sát nhà của vợ chồng anh và trên cùng một thửa đất với vợ chồng anh nên có thể hỗ trợ anh trong việc chăm sóc các cháu những lúc anh vắng nhà, hiện tại anh đã có nhà cửa ổn định, tiện nghi sinh hoạt trong gia đình đầy đủ, nên anh có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về tài sản và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản xác minh ngày 24/6/2025, đại diện chính quyền địa phương Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện T (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa) cung cấp thông tin:

Chị Lê Thị T và anh LêBAT T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 10/02/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa phương, Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không biết, vì gia đình không báo cáo chính quyền địa phương yêu cầu hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung Lê Bất Q, sinh 28/12/2012; Lê Bất K, sinh ngày 13/11/2017. Hiện 2 cháu đang sống chung với vợ chồng chị T và anh T1 tại tổ dân phố B thị trấn N. Sức khỏe, sinh hoạt, học tập của 2 cháu đều tốt.

Chị T là công nhân, còn anh T1 là lái xe. Mức thu nhập hàng tháng địa phương không biết. Xét thấy chị T và anh T1 đều có nơi ăn ở ổn định, các bên có đủ khả năng nuôi dạy, chăm sóc 2 cháu.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

- Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lê Bất T1.

+ Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Lê Bất Q, sinh ngày 28/12/2012 cho anh Lê bất T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Lê Bất K, sinh ngày 13/11/2017 cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Thị T và anh Lê Bất T1 được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lê Bất T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa). Giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 10/02/2013, nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng trầm trọng, hiện tại vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Điều đó chứng

tổ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1, anh T1 mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau, nếu chị T vẫn cương quyết xin ly hôn anh cũng đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T và anh T1 là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh LêBAT T1.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu LêBAT Q, sinh ngày 28/12/2012 và cháu LêBAT K, sinh ngày 13/11/2017. Nay ly hôn chị T và anh T1 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị T và anh T1 đều chính đáng. Tuy nhiên, giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh và khả năng chăm sóc nuôi dưỡng con chung để các cháu phát triển một cách tốt nhất.

Xét yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của các bên:

Về điều kiện của chị T: Hiện nay chị T đang làm công nhân tại Công ty TNHH D có trụ sở ở xã Đ, tỉnh Thanh Hóa, mức thu nhập hàng tháng từ 7.000.000đ - 10.000.000đ. Sau khi ly hôn chị sẽ về sống cùng mẹ đẻ tại Tổ dân phố F, xã T, tỉnh Thanh Hóa, mẹ chị T còn trẻ, khỏe nên có thể hỗ trợ chị trong việc chăm sóc con những lúc chị bận công việc.

Về điều kiện của anh T1: Anh T1 đang làm lái xe đường dài, vận tải quốc tế và chạy xe theo chuyến, đi vài ngày lại về và anh cũng thường xuyên ở nhà, thu nhập bình quân mỗi tháng của anh là 25.000.000đ. Hiện tại anh đã có nhà riêng hiện vợ chồng và các con đang sinh sống, sau khi ly hôn anh và con sẽ vẫn tiếp tục sinh sống tại nhà của anh, bố mẹ anh T1 sống ở bên cạnh và đang còn trẻ, khỏe, có thể hỗ trợ anh trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung những lúc anh bận công việc hoặc vắng nhà.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh T1 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, tuy nhiên hiện tại hai cháu đều đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc nuôi dưỡng từ bố, mẹ, nếu giao cả hai con chung cho một người trực tiếp nuôi dưỡng sẽ khó khăn cho bên trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung trong việc chăm sóc nuôi dưỡng các con cũng như việc tạo lập cuộc sống mới sau khi ly hôn. Hiện tại cả chị T và anh T1 đều có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung của chị T và anh T1 là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Để các cháu có đủ điều kiện phát triển tốt nhất về mọi mặt và để tạo điều kiện cho các bên tạo lập cuộc sống mới sau khi ly hôn, xét thấy giao cháu K chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Q cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T và anh T1 mỗi người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng một con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản, nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh LêBAT T1.

2. Về con chung: Giao cháu LêBAT Q, sinh ngày 28/12/2012 cho anh LêBAT T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu LêBAT K, sinh ngày 13/11/2017 cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Thị T và anh LêBAT T1 có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ đồng theo biên lai số 0004483 ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 3 – Thanh Hóa).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận :

- Tòa án tỉnh;
- VKS Khu vực 3;
- Phòng THADS Khu vực 3;
- UBND xã Tân Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Lê Thị Lan